SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Cơ sở 1: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên
Cơ sở 2:Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên
ĐT:02273.832.639 - Email: khoaxncdchy@gmail.com

Số: 1442/2026/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 29/06/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 629

I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt
Nhận diện mẫu: GS.14/19/06/2026
Vị trí lấy mẫu : HGĐ Ông Nguyễn Công Bối - Thôn 2 - Xã Hồng Vũ - Tỉnh Hưng Yên
Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thuỷ tinh đậy nắp kín, có tem niêm phong
Nơi lấy mẫu: Nhà Máy Nước Vũ Hòa
Địa chỉ: Thôn 5 - Xã Hồng Vũ - Tỉnh Hưng Yên
Người lấy mẫu: Lại Văn Dương - Khoa XN - CĐHA - TDCN -TTKSBT Hưng Yên
Ngày gửi mẫu: Ngày 19 tháng 06 năm 2026
Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 19 tháng 06 năm 2026
Yêu cầu thử nghiệm: 27 chỉ tiêu hóa lý và 04 chỉ tiêu vi sinh

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2023	TCU	< 1,0(b)	**15**
2.	Mùi	SMEWW2150:2023	-	Không có mùi lạ	**Không có mùi lạ**
3.	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	5,49	**2**
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,57	**6,0 - 8,5**
5.	Hàm lượng Asen (As)(*)	SMEWW3114B:2023	mg/L	$< 0,3x10^{-3}$(b)	**0,01**
6.	Hàm lượng Clo dư (*)	TCVN 6225-2:2021	mg/L	< 0,05(b)	**0,2 - 1,0**
7.	Hàm lượng Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	< 0,01(b)	**1**
8.	Hàm lượng Stibium(Sb)	SMEWW3113B:2023	mg/L	$< 2,0x10^{-3}$(b)	**0,02**
9.	Hàm lượng Bari (Ba)(*)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	< 0,15(b)	**1,3**
10.	Hàm lượng Cadimi(*)	SMEWW3113B:2023	mg/L	$< 0,06x10^{-3}$(b)	**0,003**
11.	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	0,832	**2**
12.	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	7,45	**250 hoặc 300**
13.	Hàm lượng Crom	SMEWW3113B:2023	mg/L	$< 2,0x10^{-3}$(a)	**0,05**
14.	Hàm lượng Đồng(*)	SMEWW3111B:2023	mg/L	< 0,03(b)	**1**

Lưu ý: *- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm*
- *Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu*
- *Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm*
- ** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017*
- *** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*
- **** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước*

SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Cơ sở 1: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên
Cơ sở 2:Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên
ĐT:02273.832.639 - Email: khoaxncdchy@gmail.com

Số: 1941 /2026/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 29/06/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 629

I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt

Nhận diện mẫu: GS.13/19/06/2026

Vị trí lấy mẫu : Vòi phát nhà máy

Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thuỷ tinh đậy nắp kín, có tem niêm phong

Nơi lấy mẫu: Nhà Máy Nước Vũ Hòa

Địa chỉ: Thôn 5 - Xã Hồng Vũ - Tỉnh Hưng Yên

Người lấy mẫu: Lại Văn Dương - Khoa XN - CĐHA - TDCN -TTKSBT Hưng Yên

Ngày gửi mẫu: Ngày 19 tháng 06 năm 2026

Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 19 tháng 06 năm 2026

Yêu cầu thử nghiệm: 27 chỉ tiêu hóa lý và 04 chỉ tiêu vi sinh

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2023	TCU	< 1,0(b)	**15**
2.	Mùi	SMEWW2150:2023	-	Không có mùi lạ	**Không có mùi lạ**
3.	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	3,79	**2**
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,60	**6,0 - 8,5**
5.	Hàm lượng Asen (As)(*)	SMEWW3114B:2023	mg/L	$< 0,3x10^{-3(b)}$	**0,01**
6.	Hàm lượng Clo dư (*)	TCVN 6225-2:2021	mg/L	< 0,05(b)	**0,2 - 1,0**
7.	Hàm lượng Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	< 0,01(b)	**1**
8.	Hàm lượng Stibium(Sb)	SMEWW3113B:2023	mg/L	$< 2,0x10^{-3(b)}$	**0,02**
9.	Hàm lượng Bari (Ba)(*)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	< 0,15(b)	**1,3**
10.	Hàm lượng Cadimi(*)	SMEWW3113B:2023	mg/L	$< 0,06x10^{-3(b)}$	**0,003**
11.	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	0,704	**2**
12.	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	7,45	**250 hoặc 300**
13.	Hàm lượng Crom	SMEWW3113B:2023	mg/L	$< 0,67x10^{-3(b)}$	**0,05**
14.	Hàm lượng Đồng(*)	SMEWW3111B:2023	mg/L	< 0,03(b)	**1**

Lưu ý: *- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm*

- *Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu*
- *Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm*
- ** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017*
- *** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*
- **** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước*

SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Cơ sở 1: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên
Cơ sở 2:Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên
ĐT:02273.832.639 - Email: khoaxncdchy@gmail.com

Số:1443 /2026/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 29/06/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 629

I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt
Nhận diện mẫu: GS.15/19/06/2026
Vị trí lấy mẫu : HGĐ Ông Bùi Văn Dư - Thôn 1 - Xã Hồng Vũ - Tỉnh Hưng Yên
Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thuỷ tinh đậy nắp kín, có tem niêm phong
Nơi lấy mẫu: Nhà Máy Nước Vũ Hòa
Địa chỉ: Thôn 5 - Xã Hồng Vũ - Tỉnh Hưng Yên
Người lấy mẫu: Lại Văn Dương - Khoa XN - CĐHA - TDCN -TTKSBT Hưng Yên
Ngày gửi mẫu: Ngày 19 tháng 06 năm 2026
Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 19 tháng 06 năm 2026
Yêu cầu thử nghiệm: 27 chỉ tiêu hóa lý và 04 chỉ tiêu vi sinh

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2023	TCU	< 1,0(b)	**15**
2.	Mùi	SMEWW2150:2023	-	Không có mùi lạ	**Không có mùi lạ**
3.	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	2,91	**2**
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,62	**6,0 - 8,5**
5.	Hàm lượng Asen (As)(*)	SMEWW3114B:2023	mg/L	$< 1,0x10^{-3}$(a)	**0,01**
6.	Hàm lượng Clo dư (*)	TCVN 6225-2:2021	mg/L	< 0,05(b)	**0,2 - 1,0**
7.	Hàm lượng Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	< 0,01(b)	**1**
8.	Hàm lượng Stibium(Sb)	SMEWW3113B:2023	mg/L	$< 2,0x10^{-3}$(b)	**0,02**
9.	Hàm lượng Bari (Ba)(*)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	< 0,15(b)	**1,3**
10.	Hàm lượng Cadimi(*)	SMEWW3113B:2023	mg/L	$< 0,06x10^{-3}$(b)	**0,003**
11.	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	0,832	**2**
12.	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	7,80	**250 hoặc 300**
13.	Hàm lượng Crom	SMEWW3113B:2023	mg/L	$< 0,67x10^{-3}$(b)	**0,05**
14.	Hàm lượng Đồng(*)	SMEWW3111B:2023	mg/L	< 0,03(b)	**1**

Lưu ý: - *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm*
- *Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu*
- *Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm*
- ** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017*
- *** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*
- **** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước*